

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 23-6-2021  
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thị Hải Hà

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thành Biên

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Việt Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **106/2020/TLST-HNGĐ** ngày **15** tháng 6 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021, Thông báo về thay đổi thời gian mở phiên tòa số 103/TB-TLVA ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Thông báo về việc rời lịch phiên tòa số 140/TB-TA ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh An Daeho, sinh năm 1971; địa chỉ: Seodaemum-gu, Seoul, Hàn Quốc. Số hộ chiếu: M06406667; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2020 và bản tự khai của nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:*

Chị L và anh An Daeho có quen biết và tìm hiểu nhau đến ngày 23/9/2015 thì có tự nguyện đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền tại Hàn Quốc và làm thủ tục ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai ngày 11/11/2015. Trong thời gian chờ đợi anh An Daeho làm thủ tục giấy tờ để đưa chị L sang Hàn Quốc đoàn tụ, chị L nhận thấy vợ chồng có khoảng cách với nhau về ngôn ngữ, phong tục tập quán, tuổi tác dẫn đến việc tình cảm vợ chồng không thể hòa hợp. Nhiều lần xảy ra cãi vã và chị L quyết định không làm thủ tục bay sang Hàn Quốc theo anh An Daeho nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh An Daeho.

Về con chung và tài sản chung: Chị L và anh An Daeho không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu tại phiên toà:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tuy nhiên bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị L được ly hôn với anh An Daeho.

Nguyên đơn chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí thực hiện ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Chị L và anh An Daeho được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng;

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị L cư trú tại Thôn Đ, xã H, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Chị L có đơn xin ly hôn anh An Daeho hiện đang cư trú tại Hàn Quốc, theo quy định tại khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, điểm d

khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Do anh An Daeho hiện đang sinh sống tại địa chỉ Seodaemum-gu, Seoul, Hàn Quốc. Ngày 17/6/2020 Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã thực hiện ủy thác tư pháp các văn bản tố tụng sang bên Hàn Quốc nhưng. Ngày 10/5/2021, Bộ Tư pháp đã trả lời Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng với nội dung “*Cơ quan có thẩm quyền của Đại Hàn Dân Quốc không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên do: Địa chỉ không đầy đủ*”. Theo điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong 03 ngày liên tiếp, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh An Daeho. Chị L vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị, theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị L.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh An Daeho kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại cơ quan có thẩm quyền tại Hàn Quốc và làm thủ tục ghi chú kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại các điều 8, 9, 122 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống:

Theo như chị L trình bày: Sau một thời gian chung sống, chị L và anh An Daeho phát sinh mâu thuẫn do những bất đồng quan điểm sống cùng với bất đồng ngôn ngữ và phong tục tập quán, nay chị L không còn tình cảm với anh An Daeho và có đơn xin ly hôn. Điều này, chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị L và anh An Daeho đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L xin ly hôn anh An Daeho là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc. Do vậy, theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 yêu cầu khởi kiện của chị L xin ly hôn anh An Daeho là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung và tài sản chung: Chị L và anh An Daeho không có và không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 227, Điều 238, điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 8, 9, 122, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 44 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 153 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị L được ly hôn anh An Daeho.
2. Về con chung và tài sản chung: Chị Bùi Thị L và anh An Daeho không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Chị L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ chị L đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu số 0008606 ngày 11/6/2020 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị L phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Chị L đã nộp theo Biên lai số 0018702 ngày 11/6/2020 của Cục Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng và các chi phí tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh An Daeho được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thị Hải Hà**